

BẢN CẬP NHẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày ... tháng ... năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Tên chương trình: Giáo dục Mầm non

Trình độ đào tạo:

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

Mã ngành: 7140201

Hình thức đào tạo:

Tên gọi văn bằng: Cử nhân

Thời gian đào tạo: 4 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân giáo dục mầm non có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non; giảng dạy tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non; làm chuyên viên giáo dục mầm non tại cơ quan quản lý giáo dục; tự học, tham gia học tập ở các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức đại cương

M1: Vận dụng được hệ thống tri thức nền tảng của khoa học Mác-Lênin; tư tưởng, đạo đức và giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

M2: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội – nghệ thuật vào trong học tập, công việc và các hoạt động xã hội khác.

1.2.2. Về kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

M3: Vận dụng được kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu về tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non, lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục trẻ vào lập kế hoạch, tổ chức, giám sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phát triển toàn diện trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt.

M4: Nắm vững hệ thống kiến thức lí luận và phương pháp giáo dục của ngành giáo dục mầm non như lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ, phát triển thể chất, phát triển thẩm mĩ, phát triển tình cảm...kiến thức nghiệp vụ sư phạm mầm non để thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

M5. Trang bị kiến thức về tổ chức hoạt động giáo dục , giáo dục hòa nhập, giáo dục môi trường, kiến thức về vệ sinh dinh dưỡng, phòng tránh tai nạn đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

1.2.3. Về kĩ năng, thái độ

M6: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ, năng lực quản lý nhóm lớp; năng lực tư vấn, tham vấn giáo dục mầm non; năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục mầm non.

M7:Có kỹ năng tự học, trải nghiệm và thích ứng nghề nghiệp; năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi; giám sát và hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

M8: Có kỹ năng giao tiếp, xây dựng các mối quan hệ hợp tác với đồng nghiệp, cấp trên, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ và cộng đồng để nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo vệ quyền trẻ em.

M9: Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh, tin học ứng dụng thành thạo để giải quyết các yêu cầu công việc.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

M10. Làm giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non và các trường đào tạo giáo viên mầm non

M11. Cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non ; Chuyên viên trong các cơ quan, tổ chức có liên quan đến bậc học mầm non.

2. Chuẩn đầu ra

2.1.Chuẩn đầu ra về Kiến thức

2.1.1. Chuẩn đầu ra về khối kiến thức đại cương

C1: Lý luận chính trị:

- Hiểu và vận dụng linh hoạt tri thức khoa học Mác-Lênin; tư tưởng, đạo đức, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng

C2. Khoa học tự nhiên,kinh tế, xã hội

- Vận dụng linh hoạt kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội vào quá trình giáo dục

- Đánh giá được về điều kiện kinh tế, tự nhiên, văn hóa xã hội địa phương

C3: Kiến thức ngoại ngữ, tin học

- Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Có chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

C4: Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục thể chất

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng an ninh
- Đã hoàn thành học phần Giáo dục thể chất

2.1.2. Chuẩn đầu ra khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp

C5. Cơ sở ngành:

- Hiểu và có thể vận dụng linh hoạt kiến thức lĩnh vực khoa học xã hội- Nghệ thuật- tự nhiên và kiến thức khoa học có liên quan vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.
- Hiểu được đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ mầm non và có khả năng vận dụng một cách hiệu quả và quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.
- Tổ chức hoạt động vui chơi và giao tiếp ứng xử với trẻ, phụ huynh học sinh một cách thân thiện.
- Thực hiện được các hoạt động vệ sinh lớp học, vệ sinh cho trẻ, và chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ theo lứa tuổi.
- Thực hiện được các biện pháp phòng bệnh ban đầu cho trẻ và giám sát an toàn thực phẩm

C6. Chuyên ngành:

- Hiểu và đánh giá được các mô hình, chương trình giáo dục mầm non
- Tổ chức thực hiện và phát triển chương trình giáo dục mầm non: xác định mục tiêu, lập kế hoạch giáo dục, thực hiện kế hoạch giáo dục, đánh giá và điều chỉnh chương trình giáo dục mầm non.
- Vận dụng sáng tạo kiến thức về nghệ thuật (múa, hát nhạc, tạo hình) vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.
- Vận dụng các lý thuyết khoa học về văn học, ngôn ngữ, toán học vào chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.
- Xây dựng được môi trường giáo dục phù hợp để thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ hiệu quả.
- Có khả năng lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục phù hợp với sự phát triển và nhu cầu hứng thú của trẻ.

- Tổ chức và quản lý nhóm, lớp học hiệu quả.
- Có năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non (xác định vấn đề, thực hiện nghiên cứu giáo dục, công bố kết quả nghiên cứu giáo dục mầm non).

2.1.3. Chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ

C7. Kỹ năng chung

- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ
- Có kỹ năng duy trì và thiết lập quan hệ tốt với học sinh, phụ huynh học sinh, đồng nghiệp và cộng đồng.
- Có kỹ năng tự đánh giá, tự học tập để hoàn thiện bản thân.
- Có kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin hình thành ý tưởng
- Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non
- Có các kỹ năng mềm và biết xây dựng, tổ chức thực hiện hoạt động khởi nghiệp.

C8. Kỹ năng chuyên môn

- Nhận diện đặc điểm nhu cầu của trẻ mầm non
- Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ dựa trên khung chương trình giáo dục mầm non
 - Tổ chức thực hiện hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non đúng theo chương trình giáo dục mầm non
 - Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non một cách khách quan, chính xác, công bằng.
 - Có kỹ năng xử lý các tình huống giáo dục đặc biệt nảy sinh trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ
 - Có kỹ năng tư vấn, tham vấn cho phụ huynh học sinh và cộng đồng về chăm sóc giáo dục trẻ mầm non
 - Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp
 - Có nghiệp vụ quản lý nhà trường mầm non

C9. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Yêu thương học sinh, có niềm tin vào học sinh
- Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học
- Nhận thức và hành động theo lẽ phải, sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải
- Chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng
- Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội
- Tích cực tìm tòi sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, có ý chí học tập vươn lên.

2.1.4. Vị trí làm việc và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục mầm non có thể:

C10. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non dành cho trẻ từ 06 tháng tuổi đến 6 tuổi
- Cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non
- Chuyên viên trong các cơ quan, tổ chức có liên quan đến bậc học mầm non.

C11. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn ở trong nước và ngoài nước thuộc lĩnh vực Giáo dục mầm non hoặc lĩnh vực có liên quan.

3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	Kiến thức đại cương				Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Kỹ năng chung	Kỹ năng chuyên môn	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
M1	x			x					x	x	x
M2		x	x						x		
M3					x	x	x	x		x	x
M4					x	x		x	x	x	x
M5					x	x	x	x		x	x
M6					x	x	x	x	x	x	x
M7					x	x	x	x		x	x
M8					x		x	x	x		
M9			x				x			x	x
M10										x	x
M11										x	X

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130TC

(Chưa kể nội dung phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

- Kiến thức giáo dục đại cương: 40 TC
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC
- + Kiến thức cơ sở ngành: 37TC

+ Kiến thức ngành: 35 TC

+ Kiến thức nghiệp vụ sư phạm (11 TC)

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế (7 TC)

* Khối lượng học tập chuẩn hệ chính quy (M): 33 TC

* Khối lượng học tập chuẩn hệ VLVH (nếu có): 29 TC

5. Nội dung Đào tạo

- Kiến thức giáo dục đại cương

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
1	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	0	
2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	0	ML211030
3	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	ML211031
4	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2	0	ML211032
5	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,4	0,6	2	0	ML211002
6	SP211005	Quản lí Hành chính nhà nước & Quản lí Giáo dục – Đào tạo	1	1	0	1		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0	2		
8	SP211400	Địa lí Việt Nam đại cương	2	2	0	2		
9	SP211007	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	2	0	0	2	
10	SP211018	Đại cương văn hóa các Dân tộc thiểu số Tây nguyên	2	2	0	0		
11	SP211009	Nhân học đại cương	2	2	0	0		
12	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3		
13	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3		FL211011
14	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3		FL211012
15	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3		FL211013
16		Tâm lí học đại cương	2	2	0	2		

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
17	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2		
18	KT213007	Khởi nghiệp	2	1	1	2		
19	KT212202	Kỹ năng mềm	2	1	1	2		
20	SP212507	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	0	2		
Tổng:			40	34.4	4.6	38	2	

- Kiến thức giáo dục thể chất

(theo quy định chung được thực hiện theo Quyết định số 1573/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 6 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành đề cương chi tiết các học phần, trong chương trình môn học GDTC của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
21	Đối với SV có sức khỏe hạn chế học học phần Cờ vua 1 (SP211039)							
	SP211032	Thể dục cơ bản và Điền kinh	1	0	1	1	0	
	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1	1	0	
22	SV chọn 1 trong 5 học phần sau, đối với sinh viên sức khỏe hạn chế được chọn HP Cờ vua 2							
	SP211033	Bóng chuyền cơ bản						SP211032
	SP211034	Bơi lội cơ bản						
	SP211035	Cầu lông cơ bản						
	SP211042	Bóng bàn cơ bản						
	SP211040	Cờ vua 2						
23	SV chọn 1 trong 5 học phần sau, đối với sinh viên sức khỏe hạn chế được chọn HP Cờ vua 3							
	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ						

		bản						
	SP211037	Teakwondo cơ bản						
	SP211038	Bóng đá cơ bản						
	SP211043	Bóng rổ cơ bản						
	SP211041	Cờ vua 3						SP211040
Tổng			3	0	3	1	2	

- Kiến thức Giáo dục quốc phòng

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
24	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	0	
25	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	0	
26	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1	0	
27	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	0	
Tổng:			8	5,7	2.3	8	0	

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

+ Kiến thức cơ sở ngành (37TC)

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
28	SP211030	Sinh lý học trẻ em	3	3	0	3		KC211022
29	SP212301	Vệ sinh trẻ em và dinh dưỡng trẻ em	2	2	0	2		
30	YD212309	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	2	0	2		
31	SP212402	Văn học trẻ em	2	2	0	2		
32	SP212411	Toán học cơ sở	2	2	0	2		
34	SP212401	Tạo hình cơ bản	3	2	1	2		

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
35	SP212410	Âm nhạc cơ bản	2	1	1	2		
36	SP212409	Múa cơ bản	2	1	1	2		
37	SP212002	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non	2	2	0	2		
38	SP213424	Kể chuyện cho trẻ	2	1	1	2		
40	SP211023	Tâm lí học trẻ em	2	2	0	2		
41	SP211026	Giáo dục học mầm non	3	3	0	3		
42	SP213413	Tâm lí học gia đình	2	2	0	2		
43	SP213414	Phương pháp đọc diễn cảm	2	1	1	2		
44	SP213412	Ứng dụng tin học trong Giáo dục mầm non	2	1	1	2		KC211027
45	SP213040	Tổ chức hoạt động vui chơi ở trường Mầm non	2	1	1	2		
46	SP213046	Nghề giáo viên mầm non	2	2	0	2		
Tổng			37	29	8	37		

+ Kiến thức ngành (35TC)

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
46	SP213041	Hát và đàn Organ	2	1	1	2		
47	SP213025	Lí luận và phương pháp dạy múa ở trường mầm non	3	2	1	3		SP212409
48	SP213416	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	2	1	1	2		SP212410
49	SP213417	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	1	1	2		
50	SP213418	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ	2	1	1	2		SP212411
51	SP213452	Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ	3	2	1	3		

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
		làm quen môi trường xung quanh						
52	SP213453	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	2	1	3		SP212401
53	SP213421	Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	2	1	1	2		
54	SP213422	Lí luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	2	1	1	2		
55	SP213011	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	2	0	2		
56	SP213411	Tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non	2	1	1	2		SP211026
57	SP213042	Giáo dục hòa nhập	2	2	0	2		SP211026
58	SP212003	Giáo dục kĩ năng sống	2	2	0	0	2	
59	SP213222	Tổ chức và quản lí trường mầm non	2	2	0	0		
60	SP213043	Giáo dục môi trường ở trường mầm non	2	2	0	0		
61	SP213026	Quản lí trong giáo dục mầm non	2	2	0		2	
62	SP213044	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	2	2	0			
63	SP213045	Ứng dụng kí họa và cách điệu trong giáo dục mầm non	2	2	0			
64	SP213027	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2	2	0		2	
65	SP213429	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0			
67	SP213028	Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ viết	2	2	0	0	2	
68	SP213008	Chương trình và quản lí Chương trình mầm non	2	2	0	0		

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
69	SP213047	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	2	2	0	0		
Tổng:			35 (49)	25	10	27	8	

Kiến thức chuyên ngành (nếu có)

+ Kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 11 TC (Không có trong mẫu)

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
70	SP213221	Thực tế chuyên môn	1	0	1	1		
71	SP213432	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	1	0	1	1		
72	SP213433	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	1	0	1	1		
73	SP213031	Thực hành kỹ năng sư phạm	1	0	1	1		
74	SP213502	Kiến tập sư phạm	2	0	2	2		
75	SP213503	Thực tập sư phạm	5	0	5	5		
Tổng:			11	0	11	11		

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế: 7 TC

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
76	SP215020	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)	7	0	7		7	
77	SP215021	Chuyên đề tốt nghiệp (không đủ điều kiện)	3	0	3		3	
78	SP215022	Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	2	2	0			

79	SP215023	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình	2	2	0		2	
80	SP215024	Phương pháp dạy múa cho trẻ	2	2	0			
81	SP215025	Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới Giáo dục mầm non	2	2	0			
82	SP215026	Tư duy Toán học ở mầm non	2	2	0		2	
83	SP215027	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2	2	0			
Tổng:			7	(22)			7	

7. Kế hoạch giảng dạy

A. Đối với hệ chính quy

- Năm thứ nhất:

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
1	SP211400	Địa lí Việt Nam đại cương	2	2	
2	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	
3	SP212401	Tạo hình cơ bản	3	3	
4	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	
5	SP211032	Thể dục cơ bản và Điền kinh	1		1
6	SP211039	Cờ vua 1	1		
7	SP211014	Tâm lí học đại cương	2	2	
8	SP213424	Kể chuyện cho trẻ	Thiếu		
TỔNG HỌC KÌ 1			15 (14)	14 (	1
HỌC KÌ 2					
1	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	
3	KC211027	Tin học đại cương	2	2	
4	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
5	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1
6	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	
7	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	
8	SP211040	Cờ vua 2	1	0	
9	SP211023	Tâm lý học trẻ em	2	2	
10	KT212202	Kĩ năng mềm	2	2	
11	SP211007	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	0	2
12	SP211018	Đại cương văn hóa các DTTS Tây nguyên	2	0	
13	SP211009	Nhân học đại cương	2	0	
14	SP212409	Múa cơ bản	2	2	0
TỔNG HỌC KÌ 2			17 (25 TC)	14	3

- Năm thứ 2:

HỌC KÌ 3					
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	
2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1
4	SP211037	Teakwondo cơ bản	1	0	
5	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	
6	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	
7	SP211041	Cờ vua 3	1	0	
8	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN	3	3	
9	QP211006	Công tác quốc phòng –An ninh	2	2	
10	QP211012	Quân sự chung	1	1	

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
11	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2	
12	SP212411	Toán học cơ sở	2	2	
13	SP212301	Vệ sinh trẻ em và dinh dưỡng trẻ em	2	2	
14	SP211026	Giáo dục học mầm non	3	3	
TỔNG HỌC KÌ 3			21 (25 TC)	20	1
HỌC KÌ 4					
1	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	
2	SP213414	Phương pháp đọc diễn cảm	2	2	
3	YD212309	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	2	
4	SP212402	Văn học trẻ em	2	2	
5	SP213432	Rèn luyện NVSPTX 1	1	1	
6	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
7	SP211030	Sinh lí học trẻ em	3	3	
8	SP212410	Âm nhạc cơ bản	2	2	
9	SP213221	Thực tế chuyên môn	1	1	
10	SP212002	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 4			20	20	0

- **Năm thứ 3:**

HỌC KÌ 5					
1	SP213040	Tổ chức các hoạt động vui chơi ở trường MN	2	2	
2	SP213422	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	2	2	
3	KT213007	Khởi nghiệp	2	2	
4	SP213041	Hát và đàn Organ	2	2	

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
5	SP212507	PP nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	
6	SP213502	Kiến tập sư phạm	2	2	
7	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
8	SP213417	PP cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	2	
9	SP213412	Ứng dụng tin học trong GDMN	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 5			18	18	0
HỌC KÌ 6					
1	SP213452	Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường XQ	3	3	
2	SP213416	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	2	2	
3	SP213418	Lí luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ	2	2	
4	SP212003	Giáo dục Kỹ năng sống	2	0	2
5	SP213222	Tổ chức và quản lí trường mầm non	2	0	
6	SP213043	Giáo dục môi trường ở trường mầm non	2	0	
7	SP213026	Quản lí trong giáo dục mầm non	2	0	2
8	SP213044	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	2	0	
9	SP213045	Ứng dụng kí họa và cách điệu trong giáo dục mầm non	2	0	
10	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
11	SP213025	Lí luận và PP dạy múa ở trường mầm non	3	3	
12	SP213046	Nghề giáo viên mầm non	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 6			18 (26 TC)	14	4

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					

- Năm thứ 4:

HỌC KÌ 7					
1	SP213453	Lí luận và PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	3	
2	SP213421	Lí luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	2	2	
3	SP213011	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	2	
4	SP213411	Tổ chức các hoạt động GD ở trường MN	2	2	
5	SP211005	Quản lí HCNN& Quản lí GD - ĐT	1	1	
6	SP213413	Tâm lí học gia đình	2	2	
7	SP213042	Giáo dục hòa nhập	2	2	
8	SP213027	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2	0	2
9	SP213429	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	0	
11	SP213028	PP dạy trẻ làm quen với chữ viết	2	0	2
12	SP213008	Chương trình và quản lí CT MN	2	0	
13	SP213047	PT tình cảm và kĩ năng XH cho trẻ mầm non	2	0	
14	SP213031	Thực hành kĩ năng sư phạm	1	1	
15	SP213433	Rèn luyện NVSPTX 2	1	1	
TỔNG HỌC KÌ 7			15 (26 TC)	11 (18)	4
HỌC KÌ 8					
1	SP213503	Thực tập sư phạm	5	5	
2	SP215020	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)	7	7	
3	SP215021	Chuyên đề tốt nghiệp(không đủ điều kiện làm KLTN)	3	3	

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
4	SP215022	Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	2		2
5	SP215023	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình	2		
6	SP215024	Phương pháp dạy múa cho trẻ	2		
7	SP215025	PP đánh giá trẻ trong đổi mới GDMN	2		2
8	SP215026	Tư duy Toán học ở MN	2		
9	SP215027	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2		
TỔNG HỌC KÌ 8			12 (27)	12 (19)	0

B. Đối với hệ VLVH

* Năm thứ nhất:

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
1	SP211400	Địa lí Việt Nam đại cương	2	2	
2	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	
3	SP211412	Logic toán	2	2	
4	SP212401	Tạo hình cơ bản	2	2	
5	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	
6	SP211032	Thế dục cơ bản và Điền kinh	1		1
7	SP211039	Cờ vua 1	1		
8	SP211014	Tâm lí học đại cương	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 1			15	13 (14TC)	1
HỌC KÌ 2					
1	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
3	KC211027	Tin học đại cương	2	2	
4	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1
5	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	
6	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	
7	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	
8	SP211040	Cờ vua 2	1	0	
9	SP211023	Tâm lý học trẻ em	2	2	
11	SP211007	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	0	2
12	SP211018	Đại cương văn hóa các DTTS Tây nguyên	2	0	
13	SP211009	Nhân học đại cương	2	0	
14	SP212411	Toán học cơ sở	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 2			24 (23)	13	3

*** Năm thứ 2:**

HỌC KÌ 3					
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	
2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1
4	SP211037	Teakwondo cơ bản	1	0	
5	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	
6	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	
7	SP211041	Cờ vua 3	1	0	
8	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN	3	3	
9	QP211006	Công tác quốc phòng –An ninh	2	2	

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
10	QP211012	Quân sự chung	1	1	
11	QP211013	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2	
12	SP212409	Múa cơ bản	2	2	
13	SP212301	Vệ sinh trẻ em và dinh dưỡng trẻ em	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 3			22	17 (18)	1
HỌC KÌ 4					
1	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	
2	SP213414	Phương pháp đọc diễn cảm	2	2	
3	YD212309	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	2	
4	SP212402	Văn học trẻ em	2	2	
5	SP213432	Rèn luyện NVSPTX 1	1	1	
6	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
7	SP211030	Sinh lí học trẻ em	3	3	
8	SP212410	Âm nhạc cơ bản	2	2	
9	SP213221	Thực tế chuyên môn	1	1	
10	SP212507	PP nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 4			20	20	0

*** Năm thứ 3:**

HỌC KÌ 5					
1	KT213007	Khởi nghiệp	2	2	
2	SP212002	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non	2	2	
3	KT212202	Kĩ năng mềm	2	2	
4	SP213502	Kiến tập sư phạm	2	2	
5	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
6	SP213424	Kể chuyện cho trẻ	2	2	
7	SP213412	Ứng dụng tin học trong GDMN	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 5			14	14	0
HỌC KÌ 6					
1	SP213452	Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường XQ	3	3	
2	SP213433	Rèn luyện NVSPTX 2	1	1	
3	SP213418	Lí luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ	2	2	
4	SP212003	Giáo dục kĩ năng sống	2	0	2
5	SP213222	Tổ chức và quản lí trường mầm non	2	0	
6	SP213043	Giáo dục môi trường ở trường mầm non	2	0	
7	SP213026	Quản lí trong giáo dục mầm non	2	0	2
8	SP213044	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	2	0	
9	SP213045	Ứng dụng kí họa và cách điệu trong giáo dục mầm non	2	0	
10	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
11	SP213453	Lí luận và PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	3	
12	SP213046	Nghề giáo viên mầm non	2	2	
TỔNG HỌC KÌ 6			17 (25)	13 (17)	4

*** Năm thứ 4:**

HỌC KÌ 7					
1	SP213040	Tổ chức các hoạt động vui chơi ở trường MN	2	2	

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
2	SP213422	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	2	2	
3	SP213041	Hát và đàn Organ	2	2	
4	SP213416	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	2	2	
5	SP213417	PP cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	2	
6	SP211026	Giáo dục học mầm non	3	3	
7	SP213025	Lí luận và PP dạy múa ở trường mầm non	3	3	
TỔNG HỌC KÌ 7			16	16	0
HỌC KÌ 8					
1	SP213421	Lí luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	2	2	
2	SP213011	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2	2	
3	SP213411	Tổ chức các hoạt động GD ở trường MN	2	2	
4	SP211005	Quản lí HCNN& Quản lí GD - ĐT	1	1	
5	SP213413	Tâm lí học gia đình	2	2	
6	SP213027	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2	0	2
7	SP213429	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	0	
8	SP213008	Chương trình và quản lí CT MN	2	0	
9	SP213028	PP dạy trẻ làm quen với chữ viết	2	0	2
10	SP213011	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2	0	
11	SP213047	PT tình cảm và kĩ năng XH cho trẻ mầm non	2	0	
TỔNG HỌC KÌ 8			21	9 (11)	4
HỌC KÌ 9					

Stt	Mã HP	HỌC PHẦN	Tổng số TC	BB	TC
HỌC KÌ 1					
1	SP213031	Thực hành kỹ năng sư phạm	1	1	
2	SP213042	Giáo dục hòa nhập	2	2	
3	SP213503	Thực tập sư phạm	5	5	
4	SP215020	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)	7	7	
5	SP215021	Chuyên đề tốt nghiệp(không đủ điều kiện làm KLTN)	3	3	
6	SP215022	Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	2		2
7	SP215023	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình	2		
8	SP215024	Phương pháp dạy múa cho trẻ	2		
9	SP215025	PP đánh giá trẻ trong đổi mới GDMN	2		2
10	SP215026	Tư duy Toán học ở MN	2		
11	SP215027	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2		
TỔNG HỌC KÌ 9			15 (30)	15 (22)	0

8. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
1	Triết học Mác - Lênin	3						2			1	1
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3						1			1	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3						1			1	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3						1			1	

TT	HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3						1			1	
6	Quản lí HCNN& Quản lí GD - ĐT		2									1
7	Xã hội học đại cương		2					1			1	
8	Địa lí Việt Nam đại cương		2								1	
9	Tâm lí học giáo dục		3					2			1	1
10	Giáo dục học mầm non		3					2			1	1
11	Lịch sử Việt Nam đại cương		2					1			1	
12	Đại cương văn hóa các dân tộc TN		2					1			1	
13	Nhân học đại cương		2					1				
14	Tiếng Anh 1			3				1				2
15	Tiếng Anh 2			3				1				2
16	Tiếng Anh 3			3				1				2
17	Tiếng Anh 4			3				1				2
18	Sinh học đại cương		2			2		1				
19	Tin học đại cương			3		2		2				1
20	Logic toán		2			1		2			1	
21	PP nghiên cứu khoa học giáo dục						3				1	2
22	Khởi nghiệp		2					1			2	1
23	Kĩ năng mềm		2		1			1			1	

TT	HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
24	Thể dục cơ bản và Điền kinh				3			1				
25	Cờ vua 1				3			1				
26	Bóng chuyền cơ bản				3			1				
27	Bơi lội cơ bản				3			1				
28	Cầu lông cơ bản				3							
29	Bóng bàn cơ bản				3			1				
30	Cờ vua 2				3			1				
31	Thể dục nhịp điệu cơ bản				3			1				
32	Teakwondo cơ bản				3			1				
33	Bóng đá cơ bản				3			1				
34	Bóng rổ cơ bản				3			1				
35	Cờ vua 3				3			1				
36	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	1			3							
37	Công tác quốc phòng - An ninh	1			3							
38	Hiểu biết chung về quân, binh chủng.	1			3							
39	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn.	1			3							

TT	HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
40	Sinh lí học trẻ em					3			2		1	
41	VS trẻ em và dinh dưỡng trẻ em					3			2		1	1
42	Phòng bệnh và DB an toàn cho trẻ					3	1	1	2	1	1	1
43	Văn học trẻ em		1			1	1	1	3	2	1	1
44	Toán học cơ sở		2			3	1	1	2	2	1	1
45	Thủ công KT và đồ chơi trẻ em						3	2	2	3	1	1
46	Tạo hình cơ bản					3	2	1	1	2	1	1
47	Âm nhạc cơ bản					3	2	1	1	2	1	1
48	Múa cơ bản					3	2	1	2	2	1	1
49	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non		2			3	2	1	2	1	1	2
50	Giáo dục kĩ năng sống		2					2			1	1
51	Tổ chức hoạt động vui chơi ở trường Mầm non					2	3	1	1	1	1	1
52	Hát và đàn Organ						3	2	3	2	1	1
53	Ứng dụng tin học trong GD mầm non		1	2			3	1	2	2	1	2
54	Tâm lí học gia đình		1			2	3			2	1	1
55	Phương pháp đọc diễn cảm						3	1	2	2	3	1
56	Lí luận và phương pháp dạy múa ở					1	3	1	1	2	3	1

TT	HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
	trường mầm non											
57	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em					1	3		1	2	3	2
58	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học						3	1	3	1	3	1
59	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ						3	1	3	2	3	2
60	Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh						3	1	3	2	3	2
61	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em						3	1	3	2	2	3
62	Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em						3	1	3	2	3	1
63	Lí luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em			1			3	1	2	1	2	1
64	Chương trình và quản lí Chương trình mầm non					1	3	1	2	1	1	1
65	Tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non		1				3	1	3	2	2	1

TT	HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
66	Giáo dục hòa nhập					1	3	1	2	1	2	1
67	Thực tế chuyên môn					1	3	3	3	3	3	3
68	Kể chuyện cho trẻ					2	2	1	1	2	3	1
69	Tổ chức và quản lí trường mầm non					1	3	2	2	1	3	1
70	Giáo dục môi trường ở trường MN					1	3	2	3	2	2	
71	Quản lí trong giáo dục mầm non						3		3		2	
72	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo		1				3		2	2		
73	Ứng dụng kí họa và cách điệu trong giáo dục mầm non						3		3		2	1
74	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi MTXQ					1	3		1	2	3	1
75	Vệ sinh an toàn thực phẩm					2			3	1		1
76	Nghề giáo viên mầm non						3	1	3	2	3	1
77	PP dạy trẻ làm quen với chữ viết					1			3	1	3	
78	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN						3	1	3	2	2	1
79	PT tình cảm và kĩ						3	1	2	1	3	1

TT	HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
	năng XH cho trẻ mầm non											
80	Rèn luyện NVSPTX 1						3		3	2	3	3
81	Rèn luyện NVSPTX 2						3		3	2	3	3
82	Kiến tập sư phạm						3	1	3	1	3	3
83	Thực tập sư phạm						3	1	3	1	3	3
84	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)						3		3	1	3	3
85	Chuyên đề tốt nghiệp (không đủ điều kiện)						3	1	3	1	3	3
86	Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non					1	3	1	3	1	1	2
87	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình						3	1	3	1	1	1
88	Phương pháp dạy múa cho trẻ						3		3	2	2	1
89	Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới GDMN					2	3	1	1	2	2	3
90	Tư duy Toán học ở MN					3			2		1	
91	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non								1	2	3	
92	Thực hành kỹ năng sư phạm					1	3	1	3	2	3	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau: